

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	06 - 07
3. Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 – 35
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	36 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 06 công ty con (04 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp) (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 06 công ty con (04 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15/10/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17/05/2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 34 ngày 20 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 1.074.396.810.000 đồng (Một nghìn không trăm bảy mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026
- Fax : + 84 (28) 3 5120 025
- Mã số thuế : 0302000126

• Thông tin về chi nhánh hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, Khu phố 2, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – CN Kim Giang (*)	Số 256 đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội
04	Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Tp. Cần Thơ	102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT-HAX ngày 30 tháng 07 năm 2025 về việc thông qua quyết định đóng của Chi nhánh Kim Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

• **Thông tin về Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
1.	Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con trực tiếp)	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%
2.	Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con trực tiếp)	Số 256, đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	52,06%	51,62%	52,06%	51,62%	52,06%	51,62%
3.	Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (công ty con trực tiếp)	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
4.	Công ty CP Tập đoàn Trương Lai Việt (công ty con trực tiếp)	14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hòa, Tp. Hà Nội	65,00%	0,0%	65,00%	0,0%	65,00%	0,0%
5.	Công ty CP Ô tô An Thái (công ty con gián tiếp) (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	0,0%	0,0%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%
6.	Công ty CP XD và TM Đất Việt (công ty con gián tiếp) (**)	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	0,0%	0,0%	99,33%	99,33%	51,27%	51,27%

(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

(**) Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Cho thuê xe ô tô;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Kinh doanh bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2024	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	23/03/2024	-
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	15/03/2025	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2024	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	23/03/2024	-

4.2 Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Tiểu Mai	Chủ tịch	23/03/2024	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Ủy viên	23/03/2024	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	02/04/2026	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	10/09/2020	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

TM. Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Số: 170802/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2026, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.586.576.029.267	1.981.826.455.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	221.654.551.411	93.434.960.968
111	1. Tiền		178.446.482.917	91.434.960.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.208.068.494	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	15.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		490.064.725.573	353.532.347.950
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	238.545.475.091	193.398.574.633
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	68.013.431.923	8.665.232.824
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	184.515.590.694	152.478.312.628
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.759.622.899.437	1.457.135.245.689
141	1. Hàng tồn kho		1.765.075.311.019	1.462.587.657.271
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.452.411.582)	(5.452.411.582)
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		100.233.852.846	66.723.900.673
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.8a	16.359.977.759	12.164.874.339
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		82.253.623.945	53.350.891.529
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	1.620.251.142	1.208.134.805
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		806.625.059.272	495.276.013.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.324.934.612	6.556.938.612
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	2.475.438.612
215	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	10.849.496.000	4.081.500.000
220	II. Tài sản cố định		450.108.744.363	365.570.051.597
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	412.917.656.738	328.479.886.022
222	- Nguyên giá		637.985.637.665	537.908.755.779
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.067.980.927)	(209.428.869.757)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	37.191.087.625	37.090.165.575
228	- Nguyên giá		45.254.168.969	45.104.168.969
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.063.081.344)	(8.014.003.394)
230	III. Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	IV. Bất động sản đầu tư		-	-
250	V. Tài sản dở dang dài hạn		40.807.849.419	30.485.766.400
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	40.807.849.419	30.485.766.400
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
270	VII. Tài sản dài hạn khác		302.383.530.878	92.663.257.180
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.8b	29.142.864.389	20.835.075.345
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.406.324.946	3.600.081.992
279	3. Lợi thế thương mại	V.12	269.834.341.543	68.228.099.843
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.393.201.088.539	2.477.102.469.069

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.942.070.383.506	1.109.018.352.444
310	I. Nợ ngắn hạn		1.667.569.062.876	1.108.471.070.835
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	133.767.932.517	61.218.811.060
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	51.581.693.532	38.699.945.143
313	3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		1.019.981.591	949.180.484
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.15	18.161.933.195	21.884.362.744
315	5. Phải trả người lao động		29.560.963.614	27.069.507.960
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	4.535.646.888	2.900.029.330
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	26.480.577.273	4.624.626.958
321	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	1.402.034.147.055	950.650.419.945
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		426.187.211	474.187.211
330	II. Nợ dài hạn		274.501.320.630	547.281.609
338	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	273.200.000.000	200.000.000
342	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.301.320.630	347.281.609
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.451.130.705.033	1.368.084.116.625
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.354.266.336	25.212.954.658
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		25.378.917.339	19.593.573.325
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		18.975.348.997	5.619.381.333
429	4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		332.379.628.697	268.474.351.967
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.393.201.088.539	2.477.102.469.069

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIỀN DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.656.286.867.314	1.987.659.550.284
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.656.286.867.314	1.987.659.550.284
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.492.619.618.203	1.802.852.206.763
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.667.249.111	184.807.343.521
21	6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	615.260.841	1.087.224.402
23	8. Chi phí tài chính	VI.4	33.814.437.726	17.274.319.155
24	- Trong đó: Chi phí lãi vay		33.814.437.726	17.274.319.155
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	129.894.665.929	106.000.351.326
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	82.612.709.526	66.078.399.339
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(82.039.303.229)	(3.458.501.897)
31	12. Thu nhập khác	VI.7	133.442.896.485	43.915.049.781
32	13. Chi phí khác	VI.8	1.591.436.358	191.749.434
40	14. Lợi nhuận khác		131.851.460.127	43.723.300.347
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.812.156.898	40.264.798.450
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	11.459.653.249	11.902.997.763
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.147.796.067	1.573.730.338
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.204.707.582	26.788.070.349
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		18.975.348.997	704.570.289
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		18.229.358.585	26.083.500.060
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	177	6
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	177	6

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

ĐỖ TIẾN DUNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế	V.15	49.812.156.898	40.264.798.450
	2. Điều chỉnh cho các khoản		75.185.271.533	44.934.155.952
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		44.392.263.885	34.513.919.096
03	- Các khoản dự phòng		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3;7	(3.021.430.078)	(6.854.082.299)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	33.814.437.726	17.274.319.155
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		124.997.428.431	85.198.954.402
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(172.615.222.376)	24.131.639.441
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(276.094.708.044)	(251.650.388.909)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		138.109.370.517	(29.107.714.792)
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(8.353.652.316)	2.768.517.886
14	- Tiền lãi vay đã trả		(33.814.437.726)	(17.274.319.155)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(18.422.885.441)	(44.710.056.642)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(48.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(246.242.106.955)	(230.643.367.769)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(106.194.379.486)	(118.080.588.796)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		84.241.051.164	139.932.545.451
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(39.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		35.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	615.260.841	1.087.224.402
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.338.067.481)	20.939.181.057
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay	V.18	2.680.699.257.919	1.504.053.498.129
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(2.229.315.530.809)	(1.328.943.373.985)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.1	(51.583.962.231)	(130.231.716.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		399.799.764.879	44.878.408.144
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		128.219.590.443	(164.825.778.568)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	93.434.960.968	261.814.418.901
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	221.654.551.411	96.988.640.333

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN ĐUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 06 công ty con (04 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp) (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đầu giá hàng hóa), (trừ các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Trong quý 1 năm 2026, Tập đoàn thực hiện mua mới công ty con (Công ty CP Tập đoàn Tương Lai Việt). Do đó làm cho doanh thu của Tập đoàn kỳ này tăng 33,64% so với kỳ trước và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này tăng 38,89% so với kỳ trước.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 06 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 06 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
1.	Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con trực tiếp)	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Tp. Cần Thơ	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%
2.	Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con trực tiếp)	Số 256, đường Kim Giang, P. Định Công, Tp. Hà Nội	52,06%	51,62%	52,06%	51,62%	52,06%	51,62%
3.	Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (công ty con trực tiếp)	54 Kinh Dương Vương, P. Phú Lâm, Tp. Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
4.	Công ty CP Tập đoàn Tương Lai Việt (công ty con trực tiếp)	14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hòa, Tp. Hà Nội	65,00%	0,0%	65,00%	0,0%	65,00%	0,0%
5.	Công ty CP Ô tô An Thái (công ty con gián tiếp) ⁽¹⁾	Số 464 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh	0,0%	0,0%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%
6.	Công ty CP Xây dựng và TM Đất Việt (công ty con gián tiếp) ⁽²⁾	Số 97 Ngô Quyền, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng	0,0%	0,0%	99,33%	99,33%	51,27%	51,27%

⁽¹⁾ Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

⁽²⁾ Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.852 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.280 nhân viên.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.22) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư Số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư Số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất), căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Tập đoàn thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất). Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

- Giá trị công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí thuê mặt bằng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chỉ các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: chủ yếu là sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, căn cứ thời gian và lãi suất thực tế phát sinh trên số dư các khoản tiền gửi, cho vay và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Tập đoàn, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất).

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn.

22. Số liệu so sánh

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Một vài số dư đầu năm trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
310	Nợ ngắn hạn	1.108.471.070.835	1.108.471.070.835	-
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	949.180.484	949.180.484
320	Phải trả ngắn hạn khác	5.573.807.442	4.624.626.958	(949.180.484)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.477.102.469.069	2.477.102.469.069	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	29.979.016.956	11.771.661.108
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.467.465.961	79.663.299.860
- Các khoản tương đương tiền (*)	43.208.068.494	2.000.000.000
Cộng	221.654.551.411	93.434.960.968

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có thời hạn dưới 03 tháng. Trong đó giá trị tiền gửi tiết kiệm cuối kỳ dùng để thế chấp cho các khoản vay là 12.200.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng. Giá trị tiền gửi tiết kiệm cuối kỳ dùng để thế chấp cho các khoản vay là 15.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	238.545.475.091	193.398.574.633
- Các khách hàng mua xe, sửa xe	238.545.475.091	193.398.574.633
Cộng	238.545.475.091	193.398.574.633

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn cho các người bán khác</i>	68.013.431.923	8.665.232.824
- Công ty TNHH Kinh doanh TM và DV Vinfast	11.103.587.189	-
- Trả trước cho các người bán khác	56.909.844.734	8.665.232.824
Cộng	68.013.431.923	8.665.232.824

5. Phải thu ngắn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn các bên khác</i>	184.515.590.694	-	152.478.312.628	-
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	69.163.242.210	-	118.171.270.062	-
- Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (*)	13.740.803.536	-	19.818.926.878	-
- Công ty TNHH KD TM và DV Vinfast (*)	86.116.001.050	-	11.912.686.239	-
- Các đối tượng khác	15.495.543.898	-	2.575.429.449	-
Cộng	184.515.590.694	-	152.478.312.628	-

(*) Là phải thu về khoản chiết khấu, hỗ trợ được nhận từ các nhà cung cấp do Tập đoàn đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu dài hạn các bên khác</i>	10.849.496.000	-	4.081.500.000	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ	10.849.496.000	-	4.081.500.000	-
Cộng	10.849.496.000	-	4.081.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng				
- Công ty CP Minh Thắng	447.577.960	(447.577.960)	447.577.960	(447.577.960)
- Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn	105.454.400	(105.454.400)	105.454.400	(105.454.400)
- Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	(45.350.000)	45.350.000	(45.350.000)
- Võ Thị Thu Phương	42.692.000	(42.692.000)	42.692.000	(42.692.000)
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.295	(35.045.295)	35.045.295	(35.045.295)
- Công ty TNHH XNK Vật tư Kỹ thuật	68.800.000	(68.800.000)	68.800.000	(68.800.000)
- Công ty Hợp doanh DMC-FER	53.650.000	(53.650.000)	53.650.000	(53.650.000)
- Công ty CP Sản xuất và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	41.987.000	(41.987.000)	41.987.000	(41.987.000)
- Các đối tượng khác	169.215.480	(169.215.480)	169.215.480	(169.215.480)
Cộng	1.009.772.135	(1.009.772.135)	1.009.772.135	(1.009.772.135)

Tình hình biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)
- Dự phòng tăng trong kỳ	-	-
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	81.757.573.646	(5.452.411.582)	65.984.357.037	(5.452.411.582)
- Công cụ, dụng cụ	296.881.024	-	311.102.397	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽²⁾	14.465.078.297	-	9.810.855.260	-
- Hàng đang đi đường	1.918.205.028	-	1.182.514.900	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	1.124.403.235.930	-	843.064.490.583	-
- Hàng hóa bất động sản ⁽⁴⁾	542.234.337.094	-	542.234.337.094	-
Cộng ^(*)	1.765.075.311.019	(5.452.411.582)	1.462.587.657.271	(5.452.411.582)

(*) Trong đó, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng là 1.105.259.289.332 đồng (xem Thuyết minh V.18).

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

(2) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

(3) Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô.

(4) Là các Quyền sử dụng đất tại đường Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh với mục đích bán theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT-HAX ngày 14 tháng 07 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	4.874.960.806	1.299.423.994
- Phí bảo hiểm	1.126.239.793	1.243.655.355
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	10.358.777.160	9.621.794.990
Cộng	16.359.977.759	12.164.874.339

Tình hình biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	12.164.874.339	12.462.167.972
- Tăng trong kỳ	19.984.910.608	17.950.961.119
- Tăng do hợp cộng từ cty con mới mua trong năm	5.943.220.036	-
- Tăng do phân loại lại	1.170.057.443	-
- Phân bổ trong kỳ	(22.903.084.667)	(18.219.606.194)
Số cuối kỳ	16.359.977.759	12.193.522.897

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	10.658.369.380	10.567.899.527
- Công cụ, dụng cụ đang dùng	14.108.487.299	7.132.990.211
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	4.376.007.710	3.134.185.607
Cộng	29.142.864.389	20.835.075.345

Tình hình biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	20.835.075.345	30.609.135.931
- Tăng trong kỳ	10.724.158.983	9.957.359.427
- Tăng do hợp cộng từ cty con mới mua trong năm	7.406.234.125	-
- Giảm do phân loại lại	(1.170.057.443)	-
- Phân bổ trong kỳ	(8.652.546.621)	(12.457.232.238)
Số cuối kỳ	29.142.864.389	28.109.263.120

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	272.965.942.836	49.846.040.348	203.478.022.147	8.959.648.374	2.659.102.074	537.908.755.779
-Tăng trong kỳ	132.121.391.481	7.831.077.466	85.709.214.033	5.903.905.901	3.148.257.700	234.713.846.581
-Giảm trong kỳ	(14.784.080.101)	-	(119.743.587.094)	(109.297.500)	-	(134.636.964.695)
Số cuối kỳ	390.303.254.216	57.677.117.814	169.443.649.086	14.754.256.775	5.807.359.774	637.985.637.665
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	126.528.547.095	41.149.518.062	32.919.656.593	6.539.134.665	2.292.013.342	209.428.869.757
-Tăng trong kỳ	19.637.770.312	1.962.741.078	15.264.276.845	962.118.319	130.134.505	37.957.041.059
-Giảm trong kỳ	(4.260.489.981)	-	(17.973.126.891)	(36.331.303)	(47.981.714)	(22.317.929.889)
Số cuối kỳ	141.905.827.426	43.112.259.140	30.210.806.547	7.464.921.681	2.374.166.133	225.067.980.927
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	146.437.395.741	8.696.522.286	170.558.365.554	2.420.513.709	367.088.732	328.479.886.022
Số cuối kỳ	248.397.426.790	14.564.858.674	139.232.842.539	7.289.335.094	3.433.193.641	412.917.656.738

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.277.404.554 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay là 99.336.982.248 đồng (xem Thuyết minh V.18).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	35.309.039.600	2.797.580.000	6.997.549.369	45.104.168.969
-Tăng trong kỳ	-	-	150.000.000	150.000.000
-Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	35.309.039.600	2.797.580.000	7.147.549.369	45.254.168.969
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.016.454.025	6.997.549.369	8.014.003.394
-Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	21.102.152	49.077.950
-Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.044.429.823	7.018.651.521	8.063.081.344
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	35.309.039.600	1.781.125.975	-	37.090.165.575
Số cuối kỳ	35.309.039.600	1.753.150.177	128.897.848	37.191.087.625

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.262.749.889 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 10.601.986.969 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quyền sử dụng đất tại Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (*)	30.410.766.400	30.410.766.400
- Khác	10.397.083.019	75.000.000
Cộng	40.807.849.419	30.485.766.400

(*) Quyền sử dụng đất này đang hoàn tất các thủ tục để sang tên cho Công ty CP SX TM và DV Ô tô PTM (công ty con).

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Phân bổ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	4.716.647.631	-	(3.144.431.754)	1.572.215.877
- Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây	33.387.622.390	-	(2.384.830.171)	31.002.792.219
- Công ty CP Xây dựng và TM Đất Việt	30.123.829.822	-	(1.516.997.501)	28.606.832.321
- Công ty CP Tập đoàn Tương Lai Việt	-	214.859.554.935	(6.207.053.809)	208.652.501.126
Cộng	68.228.099.843	214.859.554.935	(13.253.313.235)	269.834.341.543

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	<i>133.767.932.517</i>	<i>61.218.811.060</i>
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	48.979.559.398	19.448.664.187
- Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (*)	2.300.542.899	4.456.749.852
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast (*)	42.205.006.584	13.639.837.477
- Các nhà cung cấp khác	40.282.823.636	23.673.559.544
Cộng	133.767.932.517	61.218.811.060

Trong đó: số dư cuối kỳ phải trả người bán đã quá hạn thanh toán là 0 đồng.

(*) Là khoản phải trả về mua xe, phụ tùng nhãn hiệu Mercedes-Benz, MG, Vinfast.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<i>51.581.693.532</i>	<i>38.699.945.143</i>
- Các khách hàng mua xe, sửa xe	51.581.693.532	38.699.945.143
Cộng	51.581.693.532	38.699.945.143

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/Khấu trừ	Hợp cộng từ mua mới công ty con trong kỳ	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	4.490.268.412	-	151.072.908.486	(151.580.516.807)	-	3.982.660.091	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.922.878.117	94.137.222	11.459.653.249	(18.422.885.441)	3.611.709.642	12.477.218.345	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.471.216.215	20.506.425	6.228.184.169	(6.803.341.456)	182.412.850	1.376.052.121	318.086.768
- Tiền thuế đất	-	1.093.491.158	1.804.246.318	(1.686.916.896)	-	326.002.638	1.302.164.374
- Khoản thuế khác	-	-	238.037.180	(238.037.180)	-	-	-
Cộng	21.884.362.744	1.208.134.805	170.803.029.402	(178.731.697.780)	3.794.122.492	18.161.933.195	1.620.251.142

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.812.156.898	40.264.798.450
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Chi phí không được trừ	1.136.384.140	2.041.618.027
+Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất	13.253.313.235	5.529.261.925
+Lỗ thu nhập chịu thuế trong năm của các công ty con	-	19.000.114.801
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	(7.401.953.548)	(7.868.651.687)
Thu nhập chịu thuế	56.799.900.725	58.967.141.516
Lỗ thu nhập chịu thuế các kỳ trước của các công ty con được chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế	56.799.900.725	58.967.141.516
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm	11.359.980.145	11.793.428.303
Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước	99.673.104	109.569.460
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	11.459.653.249	11.902.997.763

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Các đối tượng khác	4.535.646.888	2.900.029.330
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.535.646.888	2.900.029.330
Cộng	4.535.646.888	2.900.029.330

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác và dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	26.480.577.273	4.624.626.958
- Kinh phí công đoàn	624.605.555	507.939.230
- BHXH, YT, TN	1.278.298.145	87.922.751
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.577.673.573	4.028.764.977
Cộng	26.480.577.273	4.624.626.958

17a. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	273.200.000.000	200.000.000
- Phải trả tiền mua cổ phần (*)	273.000.000.000	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
Cộng	273.200.000.000	200.000.000

(*) Là khoản phải trả cho các cổ đông của Công ty CP Tập Đoàn Thương Lai Việt trong việc Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Tập Đoàn Thương Lai Việt thuộc quyền sở hữu của các cổ đông này.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.402.034.147.055	1.402.034.147.055	950.650.419.945	950.650.419.945
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	155.709.662.884	155.709.662.884	101.054.247.150	101.054.247.150
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽²⁾	392.990.085.983	392.990.085.983	364.588.754.815	364.588.754.815
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽³⁾	396.451.578.465	396.451.578.465	424.716.170.700	424.716.170.700
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	35.428.112.880	35.428.112.880	60.291.247.280	60.291.247.280
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank ⁽⁵⁾	18.757.807.200	18.757.807.200	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽⁶⁾	179.887.282.495	179.887.282.495	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ⁽⁷⁾	133.721.253.898	133.721.253.898	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội ⁽⁸⁾	89.088.363.250	89.088.363.250	-	-
Cộng	1.402.034.147.055	1.402.034.147.055	950.650.419.945	950.650.419.945

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho, hàng hóa động sản đầu tư, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình với tổng giá trị là 1.339.179.054.264 đồng (xem Thuyết minh V.1, V.2, V.7, V.9, V.10).

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(5) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

(8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	950.650.419.945	2.680.699.257.919	(2.229.315.530.809)	1.402.034.147.055
Cộng	950.650.419.945	2.680.699.257.919	(2.229.315.530.809)	1.402.034.147.055

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	186.728.880.000	17,38	186.728.880.000	17,38
- Bà Vũ Thị Hạnh	178.433.590.000	16,61	178.433.590.000	16,61
- Các cổ đông khác	709.234.340.000	66,01	709.234.340.000	66,01
Cộng	1.074.396.810.000	100,00	1.074.396.810.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/06/2026.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-
Cộng	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
- Cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (công ty mẹ chia)	-	107.439.681.000

19d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu kinh doanh xe	2.388.702.278.641	1.724.528.687.298
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	258.462.159.950	252.700.066.697
- Doanh thu hoạt động khác	9.122.428.723	10.430.796.289
Cộng (*)	2.656.286.867.314	1.987.659.550.284

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn kinh doanh xe	2.267.981.829.212	1.592.953.935.714
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	223.830.931.479	206.262.735.491
- Giá vốn hoạt động khác	806.857.512	3.635.535.558
Cộng	2.492.619.618.203	1.802.852.206.763

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	615.260.841	1.087.224.402
Cộng	615.260.841	1.087.224.402

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	33.814.437.726	17.274.319.155
Cộng	33.814.437.726	17.274.319.155

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	50.656.718.766	41.730.358.340
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.581.609.272	17.207.343.211
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	49.634.364.486	29.825.659.019
- Chi phí bán hàng khác	12.021.973.405	17.236.990.756
Cộng	129.894.665.929	106.000.351.326

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	42.688.135.271	32.364.384.711
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.298.669.692	5.970.712.823
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	13.253.313.235	5.529.261.925
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	7.717.507.913	4.174.333.044
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.655.083.415	18.039.706.836
Cộng	82.612.709.526	66.078.399.339

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Từ tiền hỗ trợ kinh doanh xe	122.708.050.313	33.028.136.532
- Thu nhập khác	10.734.846.172	10.886.913.249
Cộng	133.442.896.485	43.915.049.781

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí khác	1.591.436.358	191.749.434
Cộng	1.591.436.358	191.749.434

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.204.707.582	26.788.070.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Tách lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(18.229.358.585)	(26.083.500.060)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(18.062.795)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.975.348.997	686.507.494
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	107.439.681	107.439.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	6

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.204.707.582	26.788.070.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(18.229.358.585)	(26.083.500.060)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(18.062.795)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.975.348.997	686.507.494
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày kết thúc kỳ kế toán (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	6

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.023.257.638	160.571.054.746
- Chi phí nhân công	144.042.248.056	102.024.352.500
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.138.950.650	28.984.657.171
- Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	13.253.313.235	5.529.261.925
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.819.472.039	38.623.439.904
- Chi phí khác	61.382.560.821	64.407.296.273
Cộng	458.659.802.439	400.140.062.519

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**

Mã số 36. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức cho cổ đông công ty mẹ	-	107.344.059.000
- Các công ty con đã trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	51.583.962.231	22.887.657.000
Cộng	51.583.962.231	130.231.716.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương, thù lao (*)	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	507.692.308
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	480.000.000	307.692.308
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	820.000.000	807.692.308
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT (đến ngày 15/3/2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2021)	490.000.000	526.923.077
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT	120.000.000	107.692.308
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT (từ ngày 15/3/2025), kiêm Phó Tổng GD (đến ngày 15/3/2025)	738.000.000	670.769.231
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	470.000.000	390.000.000
Cộng		3.838.000.000	3.318.461.540

(*) Tiền lương, thù lao của các thành viên chủ chốt là tiền lương, thù lao tại công ty mẹ và các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ với Tập đoàn
1. Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (Samco)	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể đến công ty con (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây) Công ty cùng tập đoàn Samco
2. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Cơ khí Ô tô An Lạc	Công ty cùng tập đoàn Samco
3. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Ô tô Toyota - Bến Thành	Công ty cùng tập đoàn Samco
4. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Công nghiệp và Dịch vụ ô tô	Công ty cùng tập đoàn Samco
5. Công ty CP Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn Samco
6. Ông Đỗ Tiến Dũng	Cổ đông lớn của Công ty
7. Bà Vũ Thị Hạnh	Cổ đông lớn của Công ty

Giao dịch trong kỳ với các bên liên quan khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Ô tô Toyota - Bến Thành		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	-	255.000
CN Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Công nghiệp và Dịch vụ ô tô		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng		3.332.426
Công ty CP Xe khách Sài Gòn		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	-	786.950

Số dư với bên liên quan khác

Không có số dư với các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- + Kinh doanh xe Ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, MG, Vinfast;
- + Kinh doanh dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng;
- + Hoạt động dịch vụ khác.

	Kinh doanh Xe Ô tô	Kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng và khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần	2.388.702.278.641	267.584.588.673	2.656.286.867.314
Giá vốn hàng bán	2.267.981.829.212	224.637.788.991	2.492.619.618.203
Lãi gộp	120.720.449.429	42.946.799.682	163.667.249.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

	Kinh doanh Xe Ô tô	Kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng và khác	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần	1.724.528.687.298	263.130.862.986	1.987.659.550.284
Giá vốn hàng bán	1.592.953.935.714	209.898.271.049	1.802.852.206.763
Lãi gộp	131.574.751.584	53.232.591.937	184.807.343.521

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn thế chấp tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1, V.2, V.7, V.9, V.10, và V.18). Tổng giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.339.179.054.264 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Phê duyệt, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Người lập biểu



TRẦN HOÀI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025				
Tại ngày 01/01/2025	1.074.396.810.000	128.999.588.778	287.343.152.360	1.490.739.551.138
Tăng trong kỳ	-	704.570.289	26.083.500.060	26.788.070.349
- Lãi trong kỳ	-	704.570.289	26.083.500.060	26.788.070.349
Giảm trong kỳ	-	(107.555.883.961)	(23.311.656.774)	(130.867.540.735)
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ	-	(98.140.166)	(321.859.834)	(420.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	(107.439.681.000)	(22.952.299.000)	(130.391.980.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(18.062.795)	(37.497.940)	(55.560.735)
Tại ngày 30/06/2025	1.074.396.810.000	22.148.275.106	290.114.995.646	1.386.660.080.752
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026				
Tại ngày 01/01/2026	1.074.396.810.000	25.212.954.658	268.474.351.967	1.368.084.116.625
Tăng trong kỳ	-	19.090.507.199	117.262.411.137	136.352.918.336
- Lãi trong kỳ	-	18.975.348.997	18.229.358.585	37.204.707.582
- Công ty con tăng vốn trong kỳ	-	-	30.976.659.055	30.976.659.055
Hợp công tài sản thuần của công ty con thuộc cổ đông không kiểm soát phát sinh từ việc công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con trong năm đầu tiên tại ngày mua	-	-	68.056.393.497	68.056.393.497
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CPĐKKS phát sinh trong năm	-	115.158.202	-	115.158.202
Giảm trong kỳ	-	50.804.479	(53.357.134.407)	(53.306.329.928)
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	(1.651.566.590)	(1.651.566.590)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(51.654.763.338)	(51.654.763.338)
- Khác	-	50.804.479	(50.804.479)	-
Tại ngày 30/06/2026	1.074.396.810.000	44.354.266.336	332.379.628.697	1.451.130.705.033

Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 như sau:

Tài sản thuần của
công ty con thuộc cổ
đồng không kiểm
soát phát sinh từ
việc công ty mẹ nắm
quyền kiểm soát
công ty con trong
năm đầu tiên tại
ngày mua

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	Tại ngày 01/01/2026	Lãi/(Lỗ) trong kỳ	Công ty con tăng vốn góp trong kỳ	Chia cổ tức	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2026
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Cần Thơ	4.103.465.191	14.059.094	-	-	-	4.117.524.285
Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	227.469.227.946	2.512.320.587	-	(46.446.120.000)	(1.651.566.590)	197.110.520.998
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	28.639.803.875	3.873.576.706	-	-	(50.804.479)	32.462.576.102
Công ty CP Dịch vụ Ô tô An Thái	36.336.056.040	5.314.566.314	-	(5.208.643.338)	-	36.441.979.016
Công ty CP Đất Việt	(28.074.201.085)	18.040.940	-	-	-	(28.056.160.145)
Công ty CP Tập đoàn Tương Lai Việt	-	6.496.794.944	68.056.393.497	-	-	90.303.188.441
Cộng	268.474.351.967	18.229.358.585	68.056.393.497	(51.654.763.338)	(1.702.371.069)	332.379.628.697

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

Phục vụ tại: TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

